TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TAM DƯƠNG** **TỈNH VĨNH PHÚC**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 34/2023/HNGĐ - ST
Ngày 29 tháng 11 năm 2023
"V/v Tranh chấp hôn nhân và gia đình"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM DƯƠNG, TỈNH VĨNH PHÚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Hoàng Thị Quỳnh
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Kiều Thị Thắng
2. Bà Nguyễn Thị Nghị

- Thư ký phiên toà*:* Bà Đỗ Thị Hạnh- Thư ký Toà án nhân dân huyện Tam Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Dương tham gia phiên toà: Bà Chu Thị Việt Hà- Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 11 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Tam Dương, tỉnh Vĩnh Phúc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 293/2023/TLST- HNGĐ ngày 10 tháng 10 năm 2023, về việc Tranh chấp hôn nhân gia đình. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 91/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 11 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1981; địa chỉ: Xóm P, xã T, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên, có mặt.

- Bị đơn: Anh Trần Văn H, sinh năm 1990; địa chỉ: Thôn T, xã H, huyện Tam Dương, tỉnh Vĩnh Phúc, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và các lời khai tiếp theo, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Đ trình bày: Chị kết hôn với anh Trần Văn H ngày 10/3/2022, trước khi cưới có được tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên. Tình cảm vợ chồng ban đầu hòa thuận hạnh phúc, đến khoảng tháng 4 năm 2023 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh H mải chơi, lười làm, hay rượu chè và còn có mối quan hệ với người phụ nữ khác. Nhiều khi anh H uống rượu về còn chửi bới và đánh đập chị. Hai vợ chồng đã nhiều lần ngồi lại để cùng nhau hàn gắn nhưng vẫn không cải thiện được tình cảm vợ chồng. Anh H chuyển về nhà mẹ đẻ từ tháng

6 năm 2023 đến nay, không ai quan tâm đến ai nữa. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, mâu thuẫn đã ở mức trầm trọng nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh H. Hiện nay chị không có thai.

Về con chung: Chị và anh H không có con chung.

Về tài sản, công nợ, đất canh tác, công sức: Chị không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn anh Trần Văn H đã được Tòa án tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án của Tòa án cùng bản sao đơn khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ của nguyên đơn cung cấp, các văn bản tố tụng của Tòa án gửi cho anh H, nhưng anh H đều không đến Tòa làm việc. Vì vậy, Tòa án không thể tiến hành lấy lời khai và hòa giải theo quy định của pháp luật.

Tại Biên bản lấy lời khai ngày 01 tháng 11 năm 2023, anh Trần Văn H là anh trai anh H trình bày: Anh H hiện tại vẫn có hộ khẩu tại xã H, huyện Tam Dương, tỉnh Vĩnh Phúc, nhưng hiện nay anh H đi làm ăn ở Hà Nội, khoảng 1-2 tháng mới về thăm gia đình một lần, còn lại gia đình và anh H liên lạc với nhau qua điện thoại. Gia đình không biết địa chỉ cụ thể của anh H dưới Hà Nội, anh H cũng không nói cho gia đình biết. Anh H, chị Đ kết hôn rồi về chung sống cùng nhau từ năm 2022. Trước khi cưới có được tự do, tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại Thái Nguyên. Quá trình chung sống ban đầu vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc. Anh H và chị Đ có mâu thuẫn gì không thì anh H không biết. Anh H và gia đình cũng nắm được việc chị Đ có đơn xin ly hôn, quan điểm của gia đình đây là việc riêng của anh H chị Đ, do anh H, chị Đ tự giải quyết. Về con chung, anh H, chị Đ không có con chung. Về tài sản chung, vay nợ của anh H chị Đ như thế nào thì gia đình cũng không nắm được. Nay chị Đ xin ly hôn, gia đình đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Gia đình có nhận được Thông báo thụ lý vụ án cùng các thông báo tố tụng khác của Tòa án và có thông báo cho anh H, anh H gọi về qua điện thoại và nói do bận công việc không về được, anh H nhất trí ly hôn chị Đ.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Dương phát biểu quan điểm như sau:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tiến hành thụ lý, thu thập chứng cứ và xét xử vụ án theo đúng thẩm quyền, đúng trình tự thủ tục tố tụng mà pháp luật quy định; người tham gia tố tụng chị Đ đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Anh H không chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, 56; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết

326/2016/UBTVQH14, ngày 31/12/2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử: Cho chị Nguyễn Thị Đ được ly hôn anh Trần Văn H; về con chung: Chị Đ và anh H không có con chung nên không xem xét giải quyết. Về tài sản, công nợ, đất nông nghiệp, công sức: Chị Đ không đề nghị giải quyết, nên không xem xét.

Về án phí: Chị Đ phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

- Quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Đ khởi kiện yêu cầu được ly hôn với bị đơn anh Trần Văn H, do vậy đây là vụ án tranh chấp về hôn nhân gia đình quy định tại Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn có hộ khẩu cư trú tại: Thôn T, xã H, huyện Tam Dương, tỉnh Vĩnh Phúc nên Tòa án nhân dân huyện Tam Dương thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về sự vắng mặt của anh H: Quá trình chuẩn bị xét xử Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng đều vắng mặt nên vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hoà giải được theo Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Sau khi có quyết định đưa vụ án ra xét xử, anh H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ 2 lần nhưng vẫn vắng mặt. Xác minh tại địa phương nơi cư trú và người thân của anh H cũng không biết địa chỉ cụ thể của anh H. Như vậy việc bị đơn vắng mặt thuộc trường hợp cố tình giấu địa chỉ nên căn cứ điểm a, khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ- HĐTP ngày 05/5/2017 để xét xử vắng mặt bị đơn.

[2]. Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

- Về tình cảm: Chị Nguyễn Thị Đ và anh Trần Văn H đăng ký kết hôn ngày 10/3/2022, tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên. Trước khi kết hôn có được tự do tìm hiểu vì vậy quan hệ hôn nhân giữa chị Đ và anh H là tự nguyện, hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Xem xét hôn nhân giữa chị Đ và anh H thấy rằng cuộc sống chung vợ chồng giữa chị Đ và anh H có rất nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân như chị Đ trình bày do anh H mải chơi, lười làm, hay rượu chè và có mối quan hệ với người phụ nữ khác. Nhiều khi anh H uống rượu về còn chửi bới, đánh đập chị. Quá trình giải quyết vụ án anh H mặc dù đã được Tòa án tống đạt hợp lệ giấy triệu tập cùng các văn bản tố tụng của Tòa án, đã biết chị Đ xin ly hôn nhưng anh H không có mặt tại Tòa án để làm việc, cũng không có văn bản gì gửi đến Tòa để trình bày ý kiến về mâu thuẫn vợ chồng hay xin hàn gắn, đoàn tụ; không có ý kiến

gì về con chung, tài sản, công nợ và đất nông nghiệp. Điều đó thể hiện thái độ không chấp hành pháp luật của anh H, nên anh H tự chịu trách nhiệm.

Tòa án tiến hành xác minh tại địa phương nơi chị Đ anh H kết hôn và địa phương nơi anh H có hộ khẩu cho biết: Chính quyền địa phương không nắm được việc mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Đ, anh H. Việc chị Đ xin ly hôn anh H và các mối quan hệ khác trong vụ án, chính quyền địa phương đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Về phía gia đình anh H hoàn toàn nhất trí và tôn trọng quyết định của chị Đ. Như vậy, có cơ sở xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Đ và anh H đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên việc chị Đ xin ly hôn là chính đáng, phù hợp với thực tế và quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình do đó cần được chấp nhận.

[3]. Về con chung: Chị Đ và anh H không có con chung, không đề nghị, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4]. Về tài sản chung, công nợ, công sức lao động, đất nông nghiệp: Chị Đ không đề nghị giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét. Sau khi ly hôn, nếu các đương sự có tài sản, công nợ, đất nông nghiệp và có đề nghị thì Tòa án giải quyết bằng vụ án khác theo qui định của pháp luật.

Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Dương phù hợp với tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[5]. Về án phí: Chị Đ phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 31/12/2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Đ.

1. Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Đ được ly hôn anh Trần Văn H.

2. Về nuôi con chung: Tòa án không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung, công nợ, công sức lao động, đất nông nghiệp: Tòa án không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Đ phải chịu 300.000 đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí ly hôn sơ thẩm 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001512 ngày 10/10/2023, tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tam Dương. Chị Đ đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo bản án: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Tam Dương;
- Chi cục THADS huyện Tam Dương.
- UBND xã T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Đã ký

Hoàng Thị Quỳnh